

Thứ hai, ngày 17 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Phiên điều chỉnh

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/2/2020		•	
Tuần 17/2-21/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã chịu áp lực giảm điểm khi bộ ba cổ phiếu nhà Vin là VIC, VHM, VRE giảm điểm mạnh. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục vận động dưới mốc tham chiếu và chỉ thu hẹp đà giảm vào những phút cuối phiên nhờ lực đỡ của nhóm Ngân hàng với các mã BID, TCB, MBB, VCB. Tâm lý thị trường vẫn trong trạng thái thận trọng khi thanh khoản ở mức trung bình thấp và khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng. Trong bối cảnh thiếu vắng thông tin hỗ trợ và ảnh hưởng của Covid-19 vẫn còn, VN-Index sẽ duy trì vận động tích lũy dưới ngưỡng 945 điểm trong ngắn hạn.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

Danh mục i-Invest: Theme_Xây dựng_ 0.9%. 12/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BĐS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.3%.

Phân tích kỹ thuật: KSB_Mô hình hai đáy (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-2.68 điểm**, đóng cửa 934.77. HNX-Index **-0.17 điểm**, đóng cửa 109.57.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.82); TCB (+0.52); VNM (+0.46); MBB (+0.14); VCB (+0.11).**
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-1.94); VHM (-0.86); SAB (-0.70); GAS (-0.66); CTG (-0.27).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,496 tỷ đồng**, **-8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.18 điểm. Thị trường có 133 mã tăng, 63 mã giảm, 222 mã không đổi.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **129.22 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (28.62 tỷ), VIC (18.80 tỷ) và CTG (17.38 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.50 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

934.77

Giá trị: 2496.64 tỷ

-2.68 (-0.29%)

Khối ngoại (ròng): -129.22 tỷ

HNX-INDEX

109.57

Giá trị: 328.9 tỷ

-0.17 (-0.15%)

Khối ngoại (ròng): -3.5 tỷ

UPCOM-INDEX

56.26

Giá trị: 0.47 tỷ

-0.21 (-0.37%)

Khối ngoại(ròng): 4.45 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	52.2	0.23%
Giá vàng	1,581	-0.20%
Tỷ giá USD/VND	23,230	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,183	-0.10%
Tỷ giá JPY/VND	21,152	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	2.9%	0.35%
LS TPCP 5 năm	1.9%	-9.29%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	8.9	MSN	28.7
PVD	7.7	VIC	18.8
QNS	3.3	CTG	17.4
VCB	2.5	NVL	10.3
DGW	2.2	KBC	7.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **12/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Xây dựng** - kỳ vọng chủ yếu vào tăng trưởng về nhu cầu xây dựng BDS và các dự án đầu tư công - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.9%**, con số này của VNINDEX là -0.3%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Xây dựng_0.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Xây dựng	0.9%	3.9%	1.2%	-12.0%	-15.1%	-21.5%	1.1%	18.3%
Ngân hàng	0.6%	5.9%	7.8%	6.6%	22.7%	25.0%	89.7%	21.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.6%	4.2%	6.8%	3.3%	17.3%	11.4%	48.8%	19.2%
VN FinSelect	0.5%	4.3%	5.7%	1.5%	14.2%	7.3%	40.6%	17.9%
VN Diamond	0.3%	4.4%	1.7%	-4.0%	4.9%	12.4%	61.8%	17.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.2%	3.7%	-0.2%	-5.6%	2.3%	10.4%	64.4%	17.3%
Nước & Năng lượng	0.1%	3.7%	-2.7%	-9.4%	-7.1%	-6.9%	37.9%	14.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.0%	1.8%	-2.4%	-7.1%	-0.8%	5.8%	54.8%	15.3%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	2.7%	0.2%	-2.6%	6.0%	24.8%	97.8%	19.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	1.7%	-1.9%	-8.8%	-2.5%	-1.9%	47.7%	14.5%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	1.3%	-4.1%	-14.4%	-12.9%	-6.9%	41.0%	17.5%
Dầu khí	-0.2%	2.4%	-7.3%	-16.1%	-16.0%	-12.5%	7.8%	22.7%
FTSE Việt Nam	-0.5%	-1.6%	-5.1%	-10.0%	-4.1%	-1.5%	73.8%	14.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.1%	-3.2%	-7.5%	-5.1%	1.2%	0.4%	18.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.5%	2.1%	1.4%	0.2%	-2.0%	4.9%	41.8%	14.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.6%	-0.8%	-5.3%	-10.7%	-5.3%	-2.6%	64.6%	13.7%
Lãi suất giảm	-0.7%	3.1%	3.3%	-3.6%	-3.7%	-2.0%	48.5%	17.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.8%	0.6%	-5.5%	-13.3%	-14.6%	-16.4%	29.1%	21.2%
Ngành Dược	-0.9%	-4.1%	5.8%	0.3%	5.3%	9.4%	37.9%	17.6%
BDS & Khu công nghiệp	-0.9%	1.2%	-3.7%	-9.8%	-7.4%	-1.6%	45.7%	16.3%
Chiến tranh thương mại	-1.5%	1.3%	-4.4%	-10.1%	-15.2%	-7.1%	2.9%	15.6%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 9	0.5%	2.8%	-3.1%	-4.7%	6.0%	16.6%	80.3%	17.3%
Danh mục 15	0.5%	1.4%	-7.0%	-13.2%	-11.1%	-6.0%	42.0%	18.0%
Danh mục 1	0.5%	1.7%	-1.4%	-1.3%	6.9%	12.1%	86.0%	17.1%
Danh mục 11	-0.6%	1.1%	0.1%	-3.5%	2.6%	10.8%	49.4%	18.9%
Danh mục 18	-0.7%	-0.3%	-4.3%	-2.7%	0.8%	4.0%	95.8%	19.4%
* Note	10/10/2023 - 10/10/2024. Mục tiêu là mức tăng trưởng hàng năm của chỉ số VNINDEX.							

* Note **12/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 23	0.5%	2.9%	-1.0%	-7.0%	0.0%	4.9%	42.6%	16.8%
Danh mục 20	0.1%	2.0%	-2.8%	-8.4%	-1.4%	7.8%	74.6%	16.8%
Danh mục 21	-0.1%	2.2%	-2.0%	-7.4%	-0.6%	8.4%	53.1%	15.8%
Danh mục 19	-0.5%	0.8%	-3.9%	-7.5%	-0.5%	11.2%	53.2%	15.3%
Danh mục 25	-0.8%	0.2%	-4.6%	-8.2%	-2.9%	15.0%	92.4%	16.8%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-0.3%	0.4%	-3.5%	-8.2%	-3.5%	-1.1%	33.5%	15.4%
VN30INDEX	0.0%	1.6%	-2.2%	-7.8%	-1.6%	-3.5%	32.5%	15.8%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

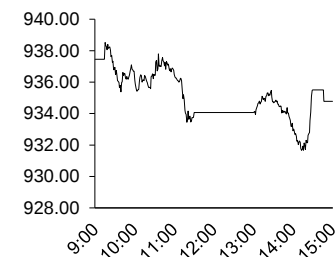
2/17/2020

Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

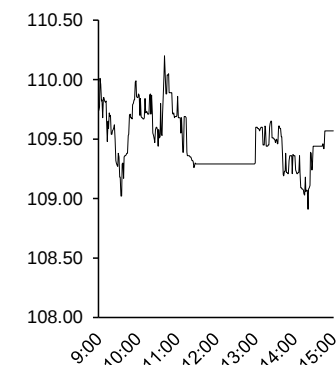
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	0.8%
Bán lẻ	0.4%
Truyền thông	0.2%
Tài nguyên Cơ bản	0.0%
Y tế	-0.1%
Ô tô và phụ tùng	-0.2%
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%
Dầu khí	-0.3%
Dịch vụ tài chính	-0.3%
Xây dựng và Vật liệu	-0.3%
Viễn thông	-0.3%
Hóa chất	-0.6%
Công nghệ Thông tin	-0.6%
Du lịch và Giải trí	-0.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1%
Bảo hiểm	-1.2%
Bất động sản	-1.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

KSB_Mô hình hai đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26

Nhận định: KSB đang có sự hồi phục trở lại tuy vẫn ở trong xu hướng giảm giá dài hạn từ giữa năm 2017 đến nay. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu vượt khỏi mốc 17 để xác nhận mô hình hai đáy hướng lên. Dù vậy, KSB cần vượt qua được ngưỡng 18.5 để chính thức phá vỡ khu vực tích lũy thiết lập từ tháng 12. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI đang tăng dần trên mốc 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn. Theo đánh giá của chúng tôi, KSB có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh ngắn hạn khi tiếp cận vùng cản 18.5 và trở về mốc 16.5 rồi tiềm năng tạo thêm mô hình vai đầu vai giúp cho đà tăng được vững chắc.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_ Hồi phục

[Link](#)

FPT_ Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_ Hồi phục

[Link](#)

HPG_ Tăng giá

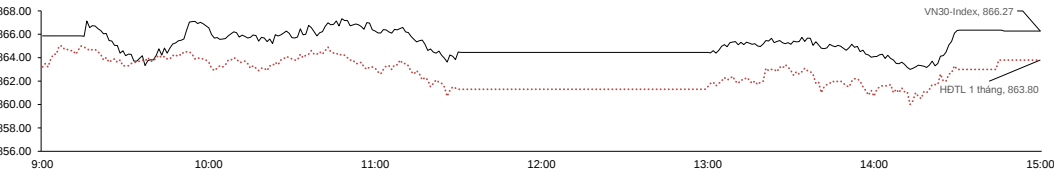
[Link](#)

NVL_ Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2002	863.80	0.23%	-2.47	-31.6%	86306	2/20/2020	5
VN30F2003	862.90	0.22%	-3.37	145.0%	1568	3/19/2020	33
VN30F2006	866.50	0.06%	0.23	-16.7%	40	6/18/2020	124
VN30F2009	868.80	0.46%	2.53	-77.8%	4	9/17/2020	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng nhẹ 0.41 điểm lên mức 866.27 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VNM, VHM và VIC tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay vận động tích lũy quanh vùng 863-867 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh 860-870 điểm trong các phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 850 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	23.80	2.15	1.55
VNM	107.50	0.84	0.68
MBB	21.95	0.92	0.38
BID	51.50	3.00	0.33
CTD	68.00	5.92	0.18

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	108.0	-1.82	-1.25
VHM	86.7	-1.03	-0.46
SAB	186.0	-2.00	-0.37
ROS	8.6	-6.96	-0.22
FPT	54.2	-0.55	-0.22

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CGMD1901	MBS	4/28/2020	71	2.83:1	119,260	12.4%	1.2 triệu	21.68%	1,680	180	20.00%	3.10	58.06
CTCB2001	HSC	6/22/2020	126	2:1	89,670	292.1%	5.0 triệu	23.38%	1,700	1,660	9.21%	811.50	2.05
CMBB1903	SSI	4/22/2020	65	1:1	62,090	-38.1%	3.0 triệu	20.54%	4,000	1,750	4.79%	721.10	2.43
CFPT2002	VCSC	7/22/2020	156	2:1	110,550	5427.5%	1.0 triệu	0.00%	2,900	2,020	3.59%	-	-
CMBB1905	HSC	4/8/2020	51	2:1	165,700	-73.9%	5.0 triệu	20.54%	1,700	650	3.17%	134.80	4.82
CVNM1903	SSI	4/22/2020	65	1:1	33,000	275.0%	1.0 triệu	19.71%	26,600	4,950	0.81%	406.80	12.17
CHDB2002	MBS	4/10/2020	53	2:1	183,460	-41.6%	1.5 triệu	23.49%	1,950	2,000	0.00%	1,466.10	1.36
CREE1905	MBS	6/17/2020	121	3:1	163,020	56.3%	2.4 triệu	23.74%	2,150	1,450	0.00%	496.10	2.92
CMBB2001	HSC	6/22/2020	126	2:1	108,400	115.5%	5.0 triệu	20.54%	1,600	1,610	0.00%	828.70	1.94
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	51	2:1	39,170	-49.5%	2.0 triệu	24.61%	1,000	3,400	0.00%	3,492.30	0.97
CVPB1901	VND	3/5/2020	17	1:1	20,720	-91.9%	2.0 triệu	24.61%	3,500	9,020	-0.11%	9,189.80	0.98
CFPT1908	MBS	6/17/2020	121	3:1	153,410	-1.2%	2.4 triệu	22.42%	3,150	2,130	-0.47%	1,164.50	1.83
CSTB2001	KIS	6/19/2020	123	1:1	103,750	-54.7%	5.0 triệu	21.84%	1,500	1,960	-0.51%	1,036.80	1.89
CHPG1909	KIS	5/15/2020	88	2:1	136,290	-47.0%	5.0 triệu	26.58%	1,800	1,030	-0.96%	466.30	2.21
CVHM1903	MBS	3/17/2020	29	5:1	70,680	-45.4%	1.5 triệu	21.94%	2,000	1,300	-2.99%	850.40	1.53
CMWG2002	MBS	4/24/2020	67	10:1	74,500	-57.5%	2.0 triệu	23.54%	1,950	1,290	-3.01%	591.70	2.18
CVJC1902	SSI	4/22/2020	65	1:1	9,250	55.5%	1.0 triệu	17.65%	27,900	10,750	-3.07%	3,674.30	2.93
CVPB2001	HSC	6/22/2020	126	2:1	419,390	321.8%	5.0 triệu	24.61%	1,500	4,020	-3.37%	3,745.20	1.07
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	67	5:1	160,340	-5.9%	2.0 triệu	21.81%	2,200	1,350	-3.57%	609.20	2.22
CVHM1902	SSI	4/22/2020	65	1:1	12,200	2.5%	1.0 triệu	21.94%	18,600	8,760	-4.89%	5,102.70	1.72
CROS2001	KIS	6/19/2020	123	4:1	1,099,540	-48.9%	10.0 triệu	44.22%	1,500	130	-35.00%	-	-
CVIC1902	SSI	4/22/2020	65	1:1	6,800	385.7%	1.0 triệu	14.51%	22,700	5,700	-36.10%	1,179.50	4.83

Tổng:				3,334,390	64.00 triệu	22.35%**							
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 17/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm, trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.

• Về giá, CVIC1902 và CROS2001 giảm mạnh lần lượt là -36.10% và -35.00%. Thanh khoản thị trường giảm mạnh -32.02%. CROS2001 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.17% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, VHM, và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CVPB2003 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2002 và CVPB2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CGMD1901	29,682	24,928	20,450
CTCB2001	26,400	23,000	23,800
CMBB1903	26,000	22,000	21,950
CFPT2002	63,800	58,000	54,200
CMBB1905	26,400	23,000	21,950
CVNM1903	145,580	118,980	107,500
CHDB2002	29,900	26,000	28,750
CREE1905	41,050	34,600	35,000
CMBB2001	24,200	21,000	21,950
CVPB2002	22,300	20,300	27,100
CVPB1901	21,500	18,000	27,100
CFPT1908	63,450	54,000	54,200
CSTB2001	12,499	10,999	11,650
CHPG1909	28,280	24,680	23,750
CVHM1903	94,500	84,500	86,700
CMWG2002	129,500	110,000	107,500
CVJC1902	157,900	130,000	128,700
CVPB2001	23,000	20,000	27,100
CPNJ2001	94,500	83,500	82,400
CVHM1902	103,600	85,000	86,700
CROS2001	32,468	26,468	8,560
CVIC1902	137,700	115,000	108,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	107.5	0.4%	0.8	2,118	1.8	8,655	12.4	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	82.4	-0.4%	1.1	807	1.2	5,327	15.5	4.1	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	56.4	-1.1%	1.2	1,820	0.4	1,632	34.5	2.2	29.5%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	-1.6%	0.8	316	0.1	2,859	11.0	1.0	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	108.0	-1.8%	0.9	15,883	3.5	2,268	47.6	4.8	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.4	-1.1%	1.1	3,102	0.8	1,253	25.1	2.7	33.0%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.3	0.2%	0.8	2,289	1.2	3,563	15.2	2.4	6.7%	16.3%
REE	Bất động sản	35.0	-0.4%	1.0	472	1.2	5,286	6.6	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.8	-2.3%	1.6	290	0.6	2,849	4.5	0.9	43.4%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.7	-0.8%	1.4	398	1.5	1,708	10.3	0.9	55.0%	9.4%
VCI	Chứng khoán	28.0	-0.5%	1.0	200	0.0	4,218	6.6	1.1	35.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.0	-1.0%	1.8	252	1.2	1,421	13.4	1.3	55.3%	11.7%
FPT	Công nghệ	54.2	-0.6%	0.9	1,598	1.7	4,225	12.8	2.6	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	45.5	2.9%	0.4	492	0.0	4,156	10.9	2.7	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	87.3	-1.4%	1.5	7,265	0.7	6,096	14.3	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	53.1	-0.4%	1.5	2,749	0.9	3,495	15.2	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.3	0.0%	1.5	339	0.8	1,529	10.7	0.6	20.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.8	0.0%	0.8	1,051	0.3	1,163	6.7	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	97.0	1.6%	0.5	551	0.1	4,668	20.8	3.8	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.9	0.0%	0.6	202	0.1	902	13.2	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.1	-1.1%	0.6	141	0.1	683	8.9	0.5	2.2%	5.5%
VCB	Ngân hàng	89.4	0.1%	1.2	14,416	1.3	5,004	17.9	3.9	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	51.5	3.0%	1.7	9,006	1.9	2,398	21.5	2.8	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.6	-0.9%	1.6	4,298	6.8	2,541	10.4	1.3	29.7%	13.1%
VPB	Ngân hàng	27.1	-0.2%	1.2	2,872	3.3	3,370	8.0	1.6	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	22.0	0.9%	1.1	2,240	9.3	3,480	6.3	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	26.4	0.0%	1.2	1,901	4.3	3,686	7.2	1.6	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	41.5	1.5%	0.8	148	0.3	5,165	8.0	1.3	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.2	124	0.2	4,167	7.0	1.1	19.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	14.4	-0.7%	1.1	619	0.0	732	19.7	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.8	0.2%	1.1	2,851	2.8	2,581	9.2	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.1	0.9%	1.8	150	1.0	1,161	7.0	0.6	18.4%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	107.5	0.8%	0.8	8,139	2.9	5,478	19.6	6.8	58.7%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	186.0	-2.0%	0.8	5,186	0.3	7,477	24.9	6.3	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.7	-0.2%	1.2	2,526	3.2	4,772	10.4	1.4	38.9%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	21.3	0.2%	0.4	542	2.1	508	41.9	1.7	6.4%	3.5%
ACV	Vận tải	60.0	0.0%	0.8	5,679	0.1	2,630	22.8	4.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	128.7	0.1%	1.1	2,931	1.8	7,889	16.3	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	26.7	-2.2%	1.7	1,643	0.8	1,640	16.3	2.1	10.0%	12.8%
GMD	Vận tải	20.5	2.8%	0.9	264	0.4	1,595	12.8	1.0	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.7	1.1%	0.6	167	0.2	2,421	5.6	0.9	31.8%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.0	-1.4%	1.1	522	0.6	8,824	8.5	3.5	2.4%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.6	-0.3%	0.7	343	0.1	1,454	12.1	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.3	-0.7%	0.9	237	0.0	1,953	7.3	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	68.0	5.9%	0.9	226	0.7	8,858	7.7	0.6	46.8%	8.2%
VCG	Xây dựng	24.8	0.0%	1.0	476	0.0	1,567	15.8	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.4	-1.7%	0.3	252	0.3	1,750	13.4	1.1	50.7%	8.8%
POW	Điện	10.4	-0.5%	0.6	1,054	0.9	1,064	9.7	0.9	13.0%	9.7%
NT2	Điện	20.6	-1.9%	0.5	258	0.2	2,577	8.0	1.4	18.7%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	51.50	3.00	1.76	863730.00
TCB	23.80	2.15	0.51	6.39MLN
VNM	107.50	0.84	0.46	623350.00
MBB	21.95	0.92	0.14	9.69MLN
VCB	89.40	0.11	0.11	343900.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.96	742220.00	1.11MLN
VHM	0.00	-0.88	164600.00	607060.00
SAB	0.00	-0.71	31460.00	373600.00
GAS	0.00	-0.67	180040.00	192700.00
CTG	0.00	-0.27	5.82MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BRC	9.63	7.00	0.00	30.00
TPC	9.95	6.99	0.01	10.00
PXT	1.23	6.96	0.00	4710.00
ELC	7.70	6.94	0.01	858500.00
VRC	6.20	6.90	0.01	75510.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	46.60	-6.99	-0.01	30.00
ROS	8.56	-6.96	-0.11	4.83MLN
MCP	14.05	-6.95	-0.01	20.00
CLL	27.45	-6.95	-0.02	30.00
GIL	20.10	-6.94	-0.01	211180.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	7.40	1.37	0.13	6.81MLN
TVC	31.90	10.00	0.10	23500.00
CEO	8.80	3.53	0.04	1.55MLN
IDJ	11.50	9.52	0.03	32500.00
TIG	6.70	6.35	0.03	1.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

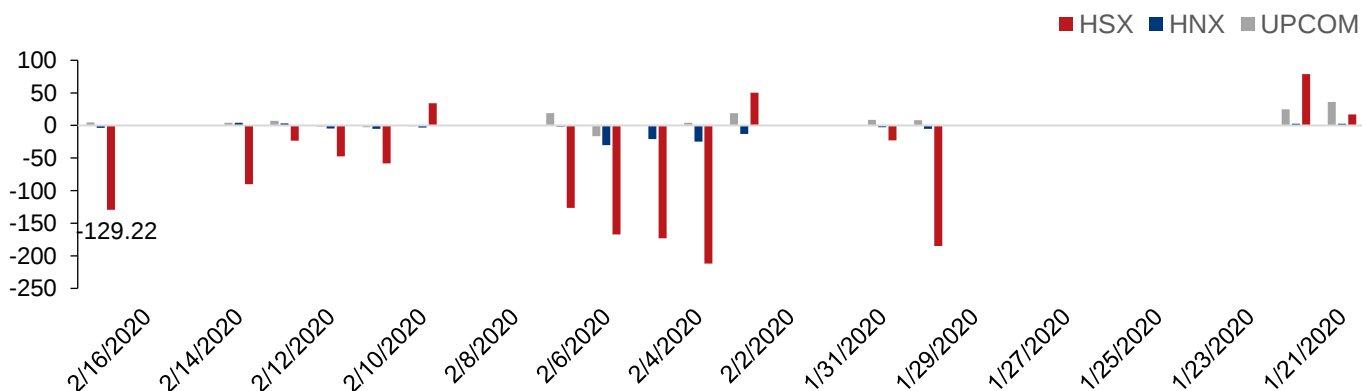
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	45.30	-9.40	-0.07	100.00
PGS	22.60	-7.76	-0.06	1500.00
NVB	8.90	-1.11	-0.04	2.26MLN
VCS	75.00	-1.45	-0.04	194500.00
VIF	18.40	-4.66	-0.03	300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	24.20	10.0	0.01	200.00
TVC	31.90	10.0	0.10	23500.00
VDL	24.20	10.0	0.01	200.00
D11	18.20	9.6	0.01	19100.00
CKV	13.80	9.5	0.00	1600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCM	46.80	-13.33	-0.01	100.00
BII	0.70	-12.50	0.00	41700.00
PVX	0.90	-10.00	-0.02	152200.00
WSS	1.80	-10.00	-0.01	3100.00
NBW	31.00	-9.88	-0.01	100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
2	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
5	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
6	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
13	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
19	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
20	2019M2_Biến động giảng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	97.0	4,668	20.8	3.8	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	29.3	5,020	5.8	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	82.4	5,327	15.5	4.1	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.7	2,421	5.6	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	164.9	29,035	5.7	4.5	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.5	0	38.4	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	107.5	8,655	12.4	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	26.4	3,686	7.2	1.6	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.4	2,736	4.5	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	23.8	2,881	8.3	1.3	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	89.4	5,004	17.9	3.9	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	27.7	7,028	3.9	1.5	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	54.2	4,225	12.8	2.6	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	28.3	3,897	7.3	1.3	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.6	2,236	7.0	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.5	2,846	10.4	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	49.7	4,772	10.4	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	107.5	5,478	19.6	6.8	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	21.8	3,700	5.9	1.4	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn